

Số: *1636* /QĐ-UBND

Thành phố Lai Châu, ngày *13* tháng *9* năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, TĐC Dự án: Điểm trường
Mầm Non - Tiểu học bản Sùng phải, xã Sùng Phải, thành phố Lai Châu**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ các Nghị định của chính phủ: Số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường: Số 30/201/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 74/2015/TT-BTC ngày 15/5/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Lai Châu: Số 39/2016/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 quy định mức trích, nội dung chi và mức chi cho công tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh; số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 quy định một số nội dung về trình tự thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu; số 12/2021/QĐ-UBND ngày 16/4/2021 quy định về hạn mức giao đất; hạn mức công nhận quyền sử dụng đất ở; hạn mức công nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất mà

Handwritten text at the top of the page, possibly a title or header.

Handwritten text below the first line, possibly a date or reference number.

Handwritten text in the middle section of the page.

Handwritten text in the lower middle section of the page.

Handwritten text in the lower section of the page.

Handwritten text in the lower section of the page.

Handwritten text in the lower section of the page.

Handwritten text in the lower section of the page.

Handwritten text in the lower section of the page.

Handwritten text in the lower section of the page.

Handwritten text in the lower section of the page.

Handwritten text in the lower section of the page.

Faint handwritten text on the right side of the page.

Faint handwritten text on the right side of the page.

Faint handwritten text on the right side of the page.

Faint handwritten text on the right side of the page.

Faint handwritten text on the right side of the page.

Faint handwritten text on the right side of the page.

Faint handwritten text on the right side of the page.

không có giấy tờ về quyền sử dụng đất; diện tích, kích thước tối thiểu được tách thửa trên địa bàn tỉnh Lai Châu; số 14/2021/QĐ-UBND ngày 04/5/2021 về việc Ủy quyền cho Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thực hiện Thông báo thu hồi đất; quyết định thu hồi đất; phê duyệt và thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với trường hợp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 1797/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh Lai Châu về việc Phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của thành phố Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 451/QĐ-UBND ngày 27/5/2021 của UBND thành phố Lai Châu về việc Phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Điểm trường Mầm Non - Tiểu học bản Sùng phải, xã Sùng Phải, thành phố Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 2376/QĐ-UBND ngày 15/12/2021 của UBND thành phố Lai Châu V/v Ban hành Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm phục vụ công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án: Điểm trường Mầm Non - Tiểu học bản Sùng phải, xã Sùng Phải, thành phố Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 2792/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND thành phố Lai Châu về phê duyệt kế hoạch giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất cho 03 dự án trên địa bàn thành phố Lai Châu;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lai Châu tại Tờ trình số 681/TTr-TNMT ngày 30/8/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

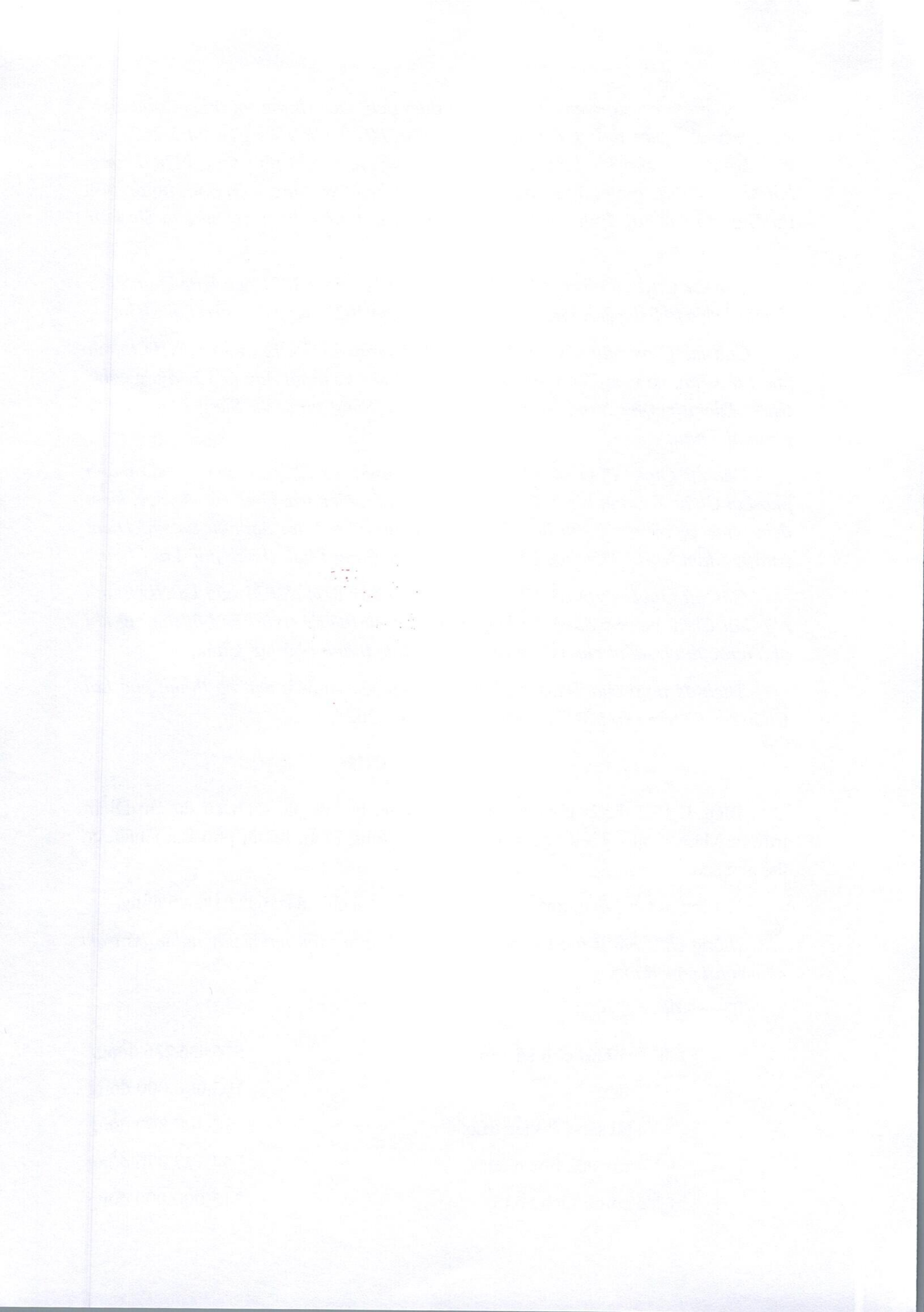
Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án: Điểm trường Mầm Non - Tiểu học Sùng Phải, xã Sùng Phải, thành phố Lai Châu, cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền bồi thường hỗ trợ chủ đầu tư phải chi trả là: **632.017.395 đồng.**

(Bằng chữ: Sáu trăm ba mươi hai triệu không trăm mười bảy nghìn ba trăm chín mươi năm đồng).

Trong đó:

- Chi trả cho chủ sở hữu:	556.435.236 đồng.
+ Về đất:	105.000.000 đồng
+ Về tài sản vật kiến trúc:	82.307.860 đồng
+ Về cây cối, hoa màu:	54.127.376 đồng
+ Về chính sách hỗ trợ	315.000.000 đồng



2. Nguồn kinh phí chi trả, thời gian chi trả tiền bồi thường và thời hạn bàn giao đất.

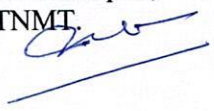
- Nguồn kinh phí chi trả: Lấy từ nguồn vốn của dự án.

- Thời gian chi trả tiền bồi thường và thời hạn bàn giao đất: Thực hiện theo Điều 24 Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố; Trưởng các phòng: Tài nguyên - Môi trường, Kinh tế, Tài chính - Kế hoạch, Quản lý đô thị; Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất; Giám đốc Ban quản lý dự án thành phố; Chủ tịch UBND xã Sùng Phài; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các hộ gia đình có tên trong phương án bồi thường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Chủ tịch UBND thành phố (thay b/c);
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TNMT.



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đỗ Văn Xiêng

1984-03-01

1984-03-02

1984-03-03

1984-03-04

1984-03-05

1984-03-06

1984-03-07

1984-03-08

1984-03-09

1984-03-10

1984-03-11

1984-03-12

1984-03-13

1984-03-14

1984-03-15

1984-03-16

1984-03-17

1984-03-18

1984-03-19

1984-03-20

1984-03-21

1984-03-22

1984-03-23

1984-03-24

1984-03-25

1984-03-26

1984-03-27

1984-03-28

1984-03-29

1984-03-30

1984-03-31



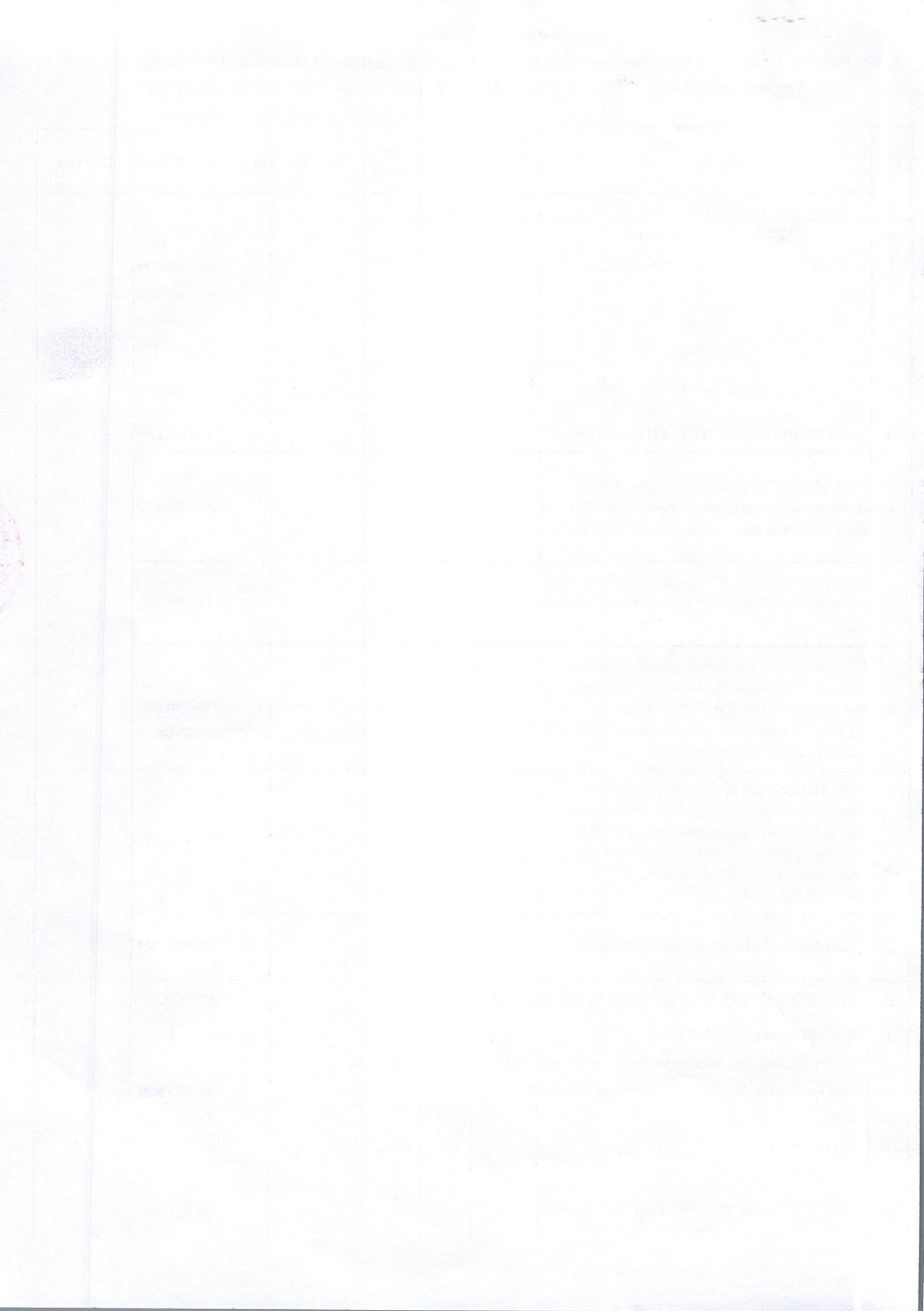
1/1

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

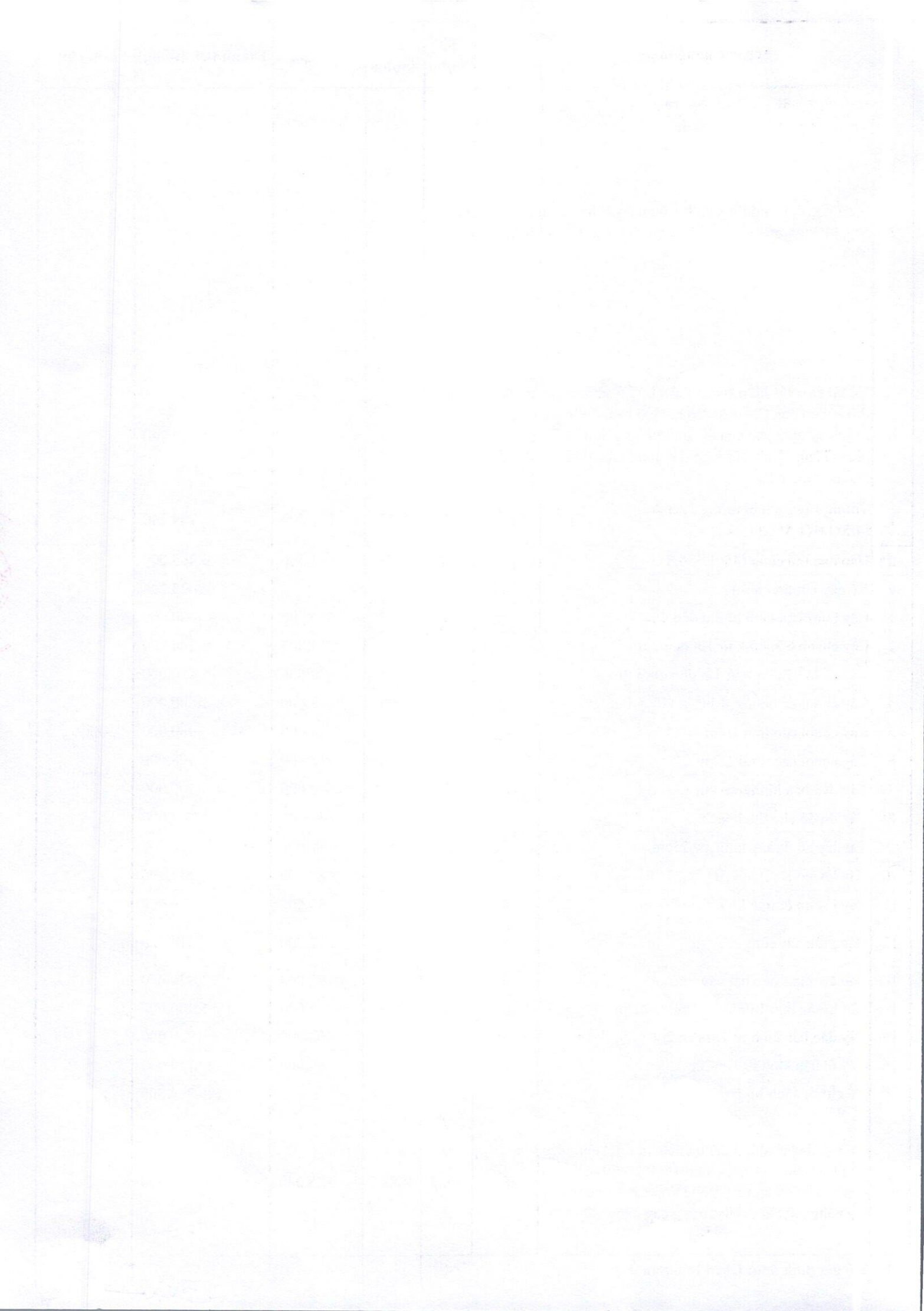
Dự án: Điểm trường Mầm non - Tiểu học bản Sùng Phài - xã Sùng Phài - thành phố Lai Châu

Kèm theo Quyết định số: 1636/QĐ-UBND ngày 13 tháng 9 năm 2022 của UBND thành phố Lai Châu

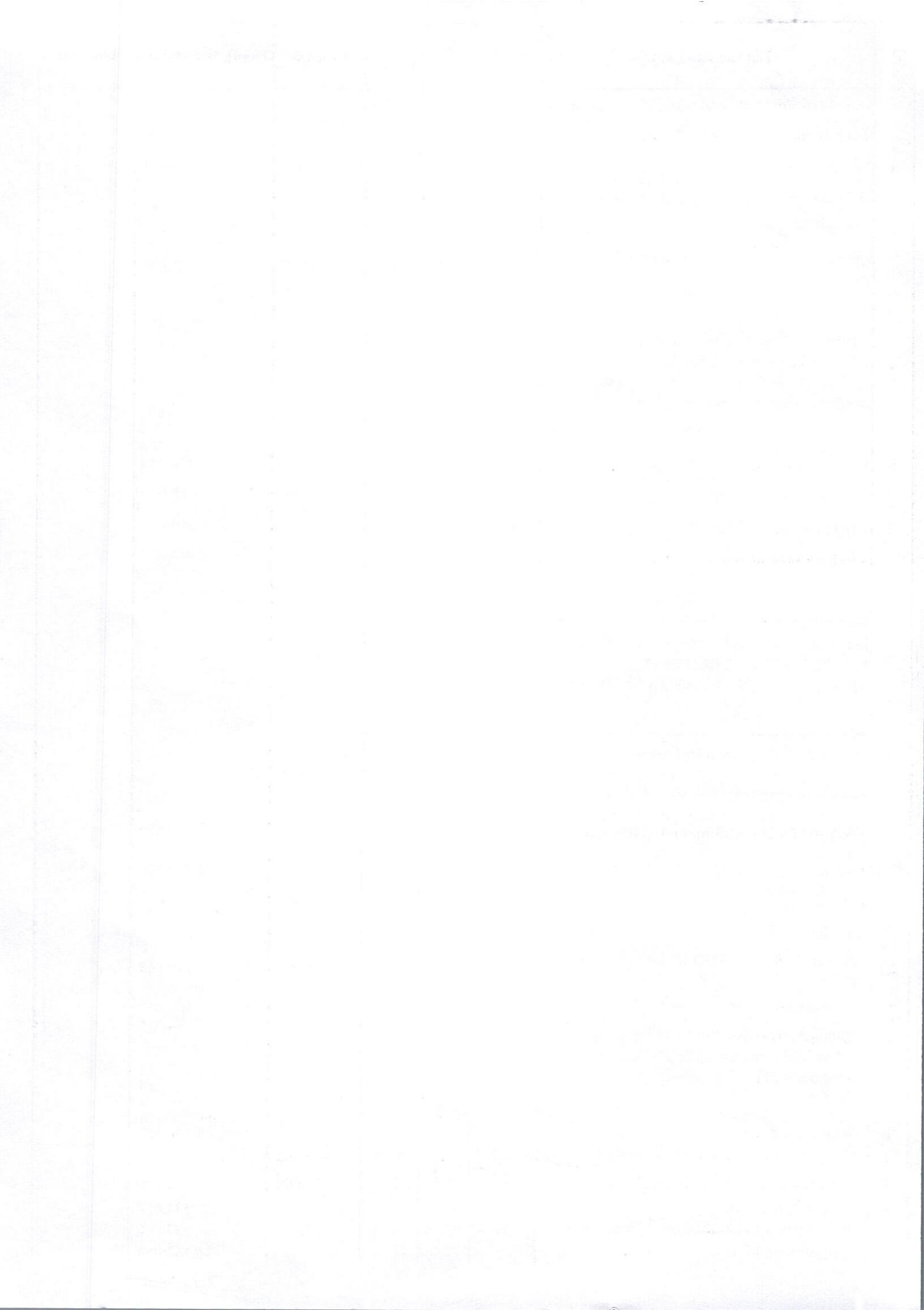
TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
I	2	3	4	4	5	6=4*5	
A	Tổng cộng (Bảng I+II)					632.017.395	
I	CHI TRẢ CHO CHỦ SỞ HỮU					556.435.236	
1	Đất					105.000.000	
2	Tài sản					82.307.860	
3	Hoa màu					54.127.376	
4	Chính sách hỗ trợ					315.000.000	
II	KINH PHÍ TỔ CHỨC THỰC HIỆN					75.582.159	
1	Kinh phí cho Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường chi cho công tác tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư					65.356.418	
a	Kinh phí cho TTPT quỹ đất thành phố thực hiện các nhiệm vụ tổ chức bồi thường, hỗ trợ tái định cư					14.158.360	
b	Chi phí định giá đất cụ thể (Đã được phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu tại Quyết định số 2359/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND thành phố Lai Châu với giá trị là 31.748.000 đồng)					19.350.000	
c	- Chi trích đo đạc chính lý, bổ sung bản đồ địa chính khu đất phục vụ lập hồ sơ bồi thường và cắm mốc GPMB xây dựng công trình (Đã được phê duyệt Thiết kế kỹ thuật - dự toán tại Quyết định số 2727/QĐ-UBND ngày 28/12/2021 là 31.848.058 đồng)					31.848.058	
2	Chi thẩm định cho các cơ quan liên quan					10.225.741	
B	CHI CHO CÁC HỘ DÂN VÀ ĐƠN VỊ CÓ TÀI SẢN					556.435.236	
1	Hộ gia đình ông: Chèo A Páo						
	Địa chỉ thường trú: Bản Sùng Phài - xã Sùng Phài - thành phố Lai Châu						
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (bằng a+b+c+d)					259.879.036	
a	Về đất					60.301.500	
1	Diện tích thu hồi	m ²	1723	1722,9			
2	Loại đất						
2,1	Đất bằng trồng cây hàng năm khác (vị trí 1, khu vực 1)	m ²	1723	1722,9	35.000	60.301.500	



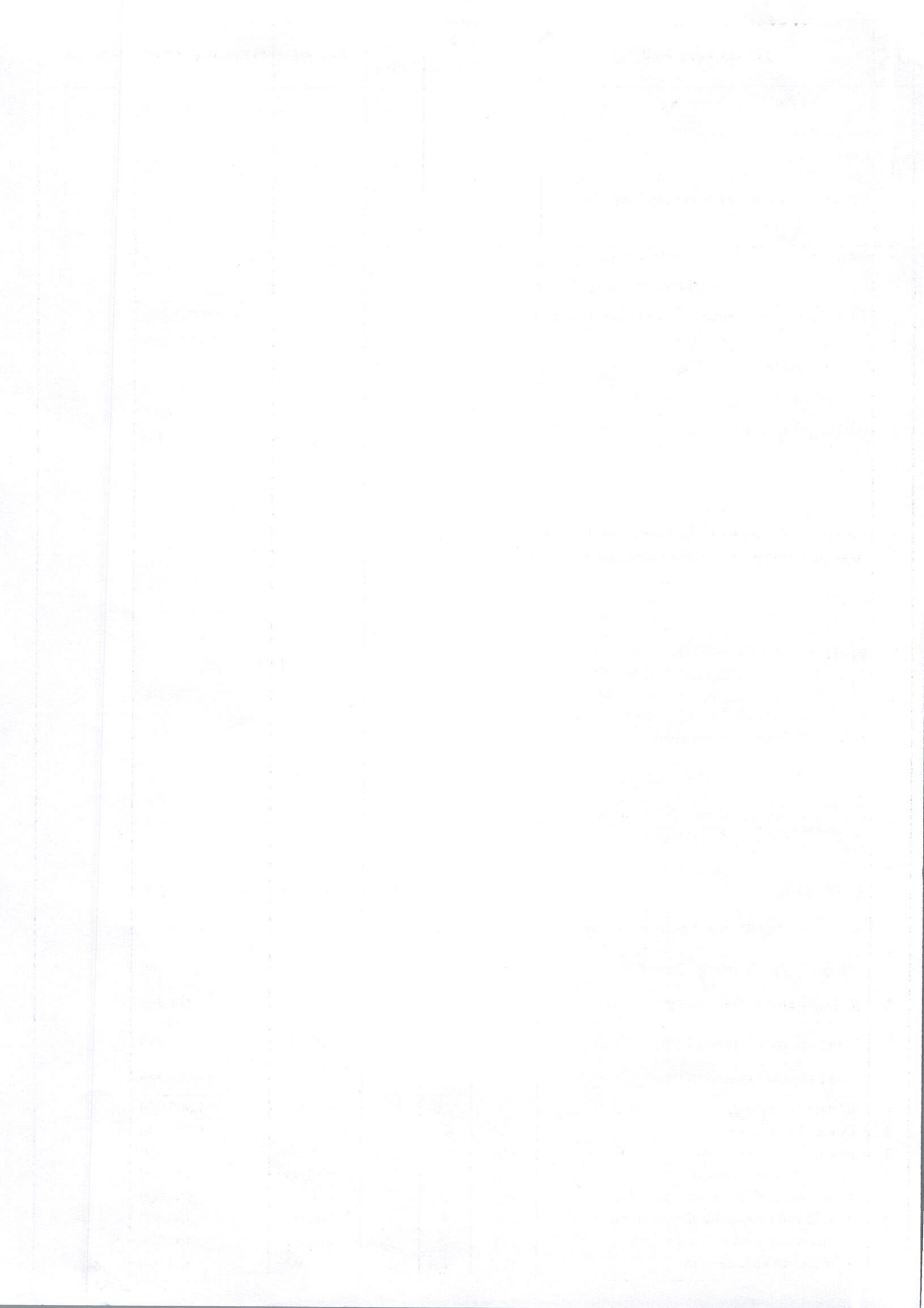
TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
3	Nguồn gốc: Gia đình khai hoang năm 1989 sử dụng ổn định đến nay, không tranh chấp. Mục đích sử dụng: đất trồng cây hàng năm.						
b	Về tài sản vật kiến trúc (Toàn bộ tài sản trên phần diện tích đất thu hồi do ông Chèo A Páo tạo lập năm 2001 trước khi có quy hoạch sử dụng đất của dự án, không bị lập biên bản xử phạt vi phạm hành chính, sử dụng đất đúng mục đích, sử dụng ổn định không tranh chấp					4.249.740	
1	Tường xây gạch bi tường 12cm (4.5*1)+(1.5*1.1)	m ²	6,15	6,15	127.600	784.740	
2	Hào đào thủ công (35*1.5*0.8)	m ³	42	42	82.500	3.465.000	
c	Về cây cối hoa màu					14.423.296	
1	Cây bưởi bán kính từ 2m đến 4m	cây	1	1	480.000	480.000	
2	Cây chanh bán kính từ 1m đến 2m	cây	1	1	204.000	204.000	
3	Cây nhãn bán kính từ 1m đến dưới 2m	cây	1	1	420.000	420.000	
4	Cây chuối có buồng, 15 cây, 20kg/ buồng	kg	300	300	6.000	1.800.000	
5	Cây chuối cao trên 1,2m	cây	20	20	24.000	480.000	
6	Cây chuối cao dưới 1,2m	cây	11	11	18.000	198.000	
7	Cây đào bán kính trên 4m	cây	1	1	600.000	600.000	
8	Cây đu đủ cho thu hoạch	cây	1	1	144.000	144.000	
9	Cây lấy gỗ đường kính 10-25cm	cây	10	10	42.000	420.000	
10	Cây lấy gỗ D=30cm, H=8m, 1 cây	m ³	0,57	0,57	480.000	271.296	
11	Cây lấy gỗ đường kính 5cm-10cm	cây	21	21	30.000	630.000	
12	Hàng rào cây sống	m	30	30	7.200	216.000	
13	Cây ăn quả trồng hạt năm thứ tư	cây	10	10	192.000	1.920.000	
14	Sản lượng ngô 1300m ² , 4 tấn/ha/năm	kg	520	520	10.000	5.200.000	
15	Cây đào bán kính từ 1m đến 2m	cây	2	2	360.000	720.000	
16	Cây ôi bán kính từ 1m-2m	cây	2	2	360.000	720.000	
d	Về chính sách hỗ trợ					180.904.500	
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại Điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3.0 lần giá đất trồng cây hàng năm)	m ²	1723	1722,9	105.000	180.904.500	
2	Hộ gia đình ông: Chèo Láo San						



TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
Địa chỉ thường trú: Bản Sùng Phài - xã Sùng Phài - thành phố Lai Châu							
Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (bằng a+b+c)						7.174.000	
a	Về đất					1.613.500	
1	Diện tích thu hồi	m ²	46,1	46,1			
2	Loại đất						
2,1	Đất bằng trồng cây hàng năm khác (vị trí 1, khu vực 1)	m ²	46,1	46,1	35.000	1.613.500	
3	Nguồn gốc: Ông bố Chèo A Páo khai hoang năm 1989, đến năm 2007 cho con Chèo Láo San không có giấy tờ. Ông Chèo Láo San sử dụng đất ổn định đến nay, không tranh chấp. Mục đích sử dụng: đất trồng cây hàng năm.						
b	Về cây cối hoa màu					720.000	
1	Cây chuối cao trên 1,2m	cây	15	15	24.000	360.000	
2	Cây chuối cao dưới 1,2m	cây	20	20	18.000	360.000	
c	Về chính sách hỗ trợ					4.840.500	
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại Điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3.0 lần giá đất trồng cây hàng năm)	m ²	46,1	46,1	105.000	4.840.500	
3	Hộ gia đình ông: Chèo Phủ Chin						
Địa chỉ thường trú: Bản Sùng Phài - xã Sùng Phài - thành phố Lai Châu							
Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (bằng a+b+c+d)						25.084.520	
a	Về đất					5.579.000	
1	Diện tích thu hồi	m ²	159,4	159,4			
2	Loại đất						
2,1	Đất bằng trồng cây hàng năm khác (vị trí 1, khu vực 1)	m ²	159,4	159,4	35.000	5.579.000	
3	Nguồn gốc: Bố Chèo Sin Hòa khai hoang năm 1975 đến năm 1986 chia cho con trai Chèo Phủ Chin sử dụng ổn định đến nay, không tranh chấp.						
b	Về tài sản vật kiến trúc					2.130.920	
1	Tường xây gạch bi tường 12cm (8*1.4)	m ²	11,2	11,2	127.600	1.429.120	
2	Tường xây gạch bi tường 12cm (5.5*1.0)	m ²	5,5	5,5	127.600	701.800	
c	Về cây cối hoa màu					637.600	
1	Sản lượng ngô 159.4m ² , 4 tấn/ha/năm	kg	63,76	63,76	10.000	637.600	
d	Về chính sách hỗ trợ					16.737.000	



TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại Điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3.0 lần giá đất trồng cây hằng năm)	m ²	159,4	159,4	105.000	16.737.000	
4	Hộ gia đình ông: Chèo Sĩ Chiêm (Chèo Láo Sĩ)						
	Địa chỉ thường trú: Bản Sùng Phài - xã Sùng Phài - thành phố Lai Châu						
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (bằng a+b+c+d)					179.042.680	
a	Về đất					25.172.000	
1	Diện tích thu hồi	m ²	719,2	719,2			
2	Loại đất						
2,1	Đất bằng trồng cây hàng năm khác (vị trí 1, khu vực 1)	m ²	719,2	719,2	35.000	25.172.000	
3	Nguồn gốc: Gia đình tự khai hoang năm 1987, sử dụng ổn định, không tranh chấp. Mục đích sử dụng: đất trồng cây hàng năm.						
b	Về tài sản vật kiến trúc (Toàn bộ diện tài sản trên phần diện tích đất thu hồi do ông Chèo Láo Sĩ (Chèo Sĩ Chiêm) tạo lập năm 1991 trước khi có quy hoạch sử dụng đất của dự án không bị lập biên bản xử phạt vi phạm hành chính. Đất sử dụng đúng mục đích, ổn định, không tranh chấp.					56.358.200	
1	Chuồng lợn xây gạch bi lợp pro xi măng (4*5)+(3*4)+((5.5*6)*2)+(5.8*4.6)	m ²	124,7	124,68	341.000	42.515.880	
2	Bạt dứa (4*4)	m ²	16	16	5.000	80.000	
3	Nền sân bê tông đá dăm dày 10cm (4*10)	m ²	40	40	78.100	3.124.000	
4	Tường xây gạch bi tường 12cm (8*1.3)	m ²	10,4	10,4	127.600	1.327.040	
5	Kè đá xếp khan (20*0.3*0.5)*2	m ³	6	6	141.900	851.400	
6	Tường xây gạch bi tường 12cm (51*1.3)	m ²	66,3	66,3	127.600	8.459.880	
c	Về cây cối hoa màu					21.996.480	
1	Cây chuối có buồng, 30 cây, 20kg/buồng	kg	600	600	6.000	3.600.000	
2	Cây chuối cao trên 1,2m	cây	80	80	24.000	1.920.000	
3	Cây chuối cao dưới 1,2m	cây	20	20	18.000	360.000	
4	Cây đào bán kính trên 4m	cây	5	5	600.000	3.000.000	
5	Cây đào bán kính từ 2m đến dưới 4m	cây	2	2	480.000	960.000	
6	Cây xoài bán kính từ 1m đến dưới 2m	cây	1	1	360.000	360.000	
7	Cây chanh bán kính từ 1m đến 2m	cây	2	2	204.000	408.000	
8	Cây nhãn bán kính trên 4m	cây	2	2	900.000	1.800.000	

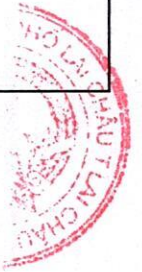


TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
9	Cây lấy gỗ D=30cm, H=8m, 5 cây	m3	2,826	2,826	480.000	1.356.480	
10	Cây bưởi bán kính từ 2m đến 4m	cây	1	1	480.000	480.000	
11	Cây mận bán kính từ 1m đến dưới 2m	cây	1	1	360.000	360.000	
12	Cây đu đủ cho thu hoạch	cây	3	3	144.000	432.000	
13	Cây ăn quả trồng hạt năm thứ tư	cây	30	30	192.000	5.760.000	
14	Sản lượng ngô 300m2, 4 tấn /ha/năm	kg	120	120	10.000	1.200.000	
d	Về chính sách hỗ trợ					75.516.000	
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại Điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3.0 lần giá đất trồng cây hằng năm)	m ²	719,2	719,2	105.000	75.516.000	
5	Hộ gia đình ông: Hoàng Đức Sếnh						
	Địa chỉ thường trú: Bản Sùng Phài - xã Sùng Phài - thành phố Lai Châu						
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (bằng a+b+c+d)					72.385.000	
a	Về đất					12.334.000	
1	Diện tích thu hồi	m ²	352,4	352,4			
2	Loại đất						
2,1	Đất bằng trồng cây hằng năm khác (vị trí 1, khu vực 1)	m ²	352,4	352,4	35.000	12.334.000	
3	Nguồn gốc: Ông bà Hoàng Lở Mây khai hoang năm 1960 cho tặng cháu Hoàng Đức Sếnh không có giấy tờ vào năm 2003, ông Hoàng Đức Sếnh sử dụng ổn định đến nay, không tranh chấp. Mục đích sử dụng: đất trồng cây hằng năm.						
b	Về tài sản vật kiến trúc (Toàn bộ tài sản trên phần diện tích đất thu hồi do ông Hoàng Đức Sếnh tạo lập năm 2004, trước khi có quy hoạch sử dụng đất, không bị lập biên bản vi phạm hành chính, sử dụng đất đúng mục đích, sử dụng ổn định, không tranh chấp)					6.699.000	
1	Tường xây gạch bi tường 12cm (35*1.5)	m ²	52,5	52,5	127.600	6.699.000	
c	Về cây cối hoa màu					16.350.000	
1	Cây đào bán kính trên 4m	cây	3	3	600.000	1.800.000	
2	Cây đào bán kính từ 2m đến dưới 4m	cây	3	3	480.000	1.440.000	
3	Cây bưởi bán kính từ 1m đến dưới 2m	cây	2	2	360.000	720.000	
4	Cây chuối có buồng, 15 cây, 20kg/buồng	kg	300	300	6.000	1.800.000	
5	Cây chuối cao trên 1,2m	cây	25	25	24.000	600.000	
6	Cây chuối cao dưới 1,2m	cây	17	17	18.000	306.000	
7	Cây đào bán kính từ 1m đến 2m	cây	2	2	360.000	720.000	



TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
8	Cây ăn quả trồng hạt năm thứ 3	cây	7	7	132.000	924.000	
9	Cây tre đường kính từ 05cm đến dưới 10 cm	Cây	20	20	30.000	600.000	
10	Rau màu gói vụ	m2	100	100	9.600	960.000	
11	Cây dược liệu (hà thủ ô) đã cho thu hoạch	m2	120	120	54.000	6.480.000	
d	Về chính sách hỗ trợ					37.002.000	
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại Điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3.0 lần giá đất trồng cây hằng năm)	m ²	352,4	352,4	105.000	37.002.000	
6	03 ngôi mộ vô chủ nằm trên đất ông Chèo Láo Sĩ (3)						
	Địa chỉ: bản Sùng Phài, xã Sùng Phài, thành phố Lai Châu						
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (bằng a+b+c+d)					12.870.000	
a	Về đất						
b	Tài sản, vật kiến trúc					12.870.000	
1	Mộ vô chủ chưa cải táng đắp đất xếp đá trên ba (03) năm	mộ	3	3	4.290.000	12.870.000	

[Handwritten signature]





BIỂU CHI TIẾT DỰ TOÁN KINH PHÍ TỐ CHỨC THỰC HIỆN

Dự án: Điểm trường Mầm non - Tiểu học bản Sùng Phài - xã Sùng Phài - thành phố Lai Châu

(Kèm theo Quyết định số ~~4636~~ 4319 /QĐ-UBND ngày 13/19/2022 của UBND thành phố Lai Châu)

TT	Hạng mục chi phí	Đơn vị	Giá trị dự toán					Ghi chú
			Số người	Số ngày	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tổng dự toán (đồng)	
I	DỰ TOÁN KINH PHÍ TỐ CHỨC THỰC HIỆN (1+2)						75.582.159	
1	Kinh phí cho Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường chi cho công tác tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư						65.356.418	
a	Kinh phí cho TTPT quỹ đất thành phố thực hiện các nhiệm vụ tổ chức bồi thường, hỗ trợ tái định cư						14.158.360	
b	Chi phí định giá đất cụ thể (Đã được phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu tại Quyết định số 2359/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND thành phố Lai Châu với giá trị là 31.748.000 đồng)						19.350.000	
c	- Chi trích đo đạc chính lý, bổ sung bản đồ địa chính khu đất phục vụ lập hồ sơ bồi thường và cắm mốc GPMB xây dựng công trình (Đã được phê duyệt Thiết kế kỹ thuật - dự toán tại Quyết định số 2727/QĐ-UBND ngày 28/12/2021 là 31.848.058 đồng)						31.848.058	
2	Chi thẩm định cho các cơ quan liên quan						10.225.741	
II	CHI TIẾT DỰ TOÁN KINH PHÍ TỐ CHỨC THỰC HIỆN (1+2+3+4+5+6+7+8)						75.582.159	
1	Chi tuyên truyền, thông báo quyết định thu hồi đất và các chế độ chính sách về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư						1.000.000	
	Chi cho nhân công không hưởng lương từ ngân sách nhà nước (Tổ trưởng, thuê nhân công tổ dân phố) để thực hiện tuyên truyền, thông báo quyết định thu hồi đất và các chế độ chính sách về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư	Người	1	10		100.000	1.000.000	
2	Chi kiểm kê, đánh giá đất đai, tài sản thực tế bị thiệt hại gồm						35.335.028	
a	- Chi tiền thù lao cho Tổ trưởng, nhân công tổ dân phố tham gia vào dự án	Người	1	10		100.000	1.000.000	
b	- Chi tiền làm thêm giờ cho công chức, viên chức, người lao động: (Không quá 200h/năm) Lương Bq giờ: (34,24+5,5+0,75)*1.490.000 đồng/ 22 ngày/8 giờ/9 người*200% = 62.324 đồng	Người/ Ngày/Giờ	3	3	6	46.055	2.486.970	Chi tiền làm thêm giờ cho công chức, viên chức, người lao động: (Không quá 200h/năm) Lương bình quân giờ: (Hệ số theo bảng lương tháng 5 của đơn vị: 23,83 + 0,65)*1.490.000 đồng/ 22 ngày/8 giờ/9 người*200% = 46.055 đồng
c	- Chi trích đo đạc chính lý, bổ sung bản đồ địa chính khu đất phục vụ lập hồ sơ bồi thường và cắm mốc GPMB xây dựng công trình (Đã được phê duyệt Thiết kế kỹ thuật - dự toán tại Quyết định số 2727/QĐ-UBND ngày 28/12/2021 là 31.848.058 đồng)						31.848.058	
	Trong đó:							
	- Gói thầu số 01 (Tư vấn khảo sát, lập thiết kế kỹ thuật – dự toán)						820.177	
	- Gói thầu số 02: Đo đạc chính lý, bổ sung bản đồ địa chính khu đất phục vụ lập hồ sơ bồi thường và cắm mốc GPMB xây dựng công trình						29.895.150	
	- Gói thầu số 03 (Kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm nhiệm vụ đo đạc)						1.132.731	
3	Chi cho công tác định giá đất						19.350.000	

TT	Hạng mục chi phí	Đơn vị	Giá trị dự toán					Ghi chú
			Số người	Số ngày	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tổng dự toán (đồng)	
	Chi phí định giá đất cụ thể (Đã được phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu tại Quyết định số 2359/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND thành phố Lai Châu với giá trị là 31.748.000 đồng)						19.350.000	
4	Chi lập, phê duyệt, công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư từ khâu tính toán các chỉ tiêu bồi thường đến khâu phê duyệt phương án bồi thường, thông báo công khai phương án bồi thường;						828.990	
	- Chi tiền làm thêm giờ cho công chức, viên chức, người lao động: (Không quá 200h/năm. Lương Bq giờ: (27,77+0,5+4,5)*1.490.000 đồng/ 22 ngày/8 giờ/9 người*200% = 61.650 đồng)	Người/ Ngày/Giờ	3	1	6	46.055	828.990	Chi tiền làm thêm giờ cho công chức, viên chức, người lao động: (Không quá 200h/năm) Lương bình quân giờ: (Hệ số theo bảng lương tháng 5 của đơn vị: 23,83 + 0,65) * 1.490.000 đồng/ 22 ngày/8 giờ/9 người*200% = 46.055 đồng
5	Chi thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư						10.225.741	
a	10% kinh phí chuyển vào tài khoản của Phòng Tài nguyên và Môi trường mở tại Kho bạc Nhà nước để chi cho các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan trong việc phối hợp thực hiện công tác thẩm định phương án, phê duyệt phương án và các công việc khác có liên quan.	Đồng			50.000.000	67.553.962	5.112.870	
b	4% kinh phí chuyển vào tài khoản của Phòng Tài chính mở tại Kho bạc Nhà nước tỉnh để thực hiện thẩm định giá đất cụ thể;	Đồng			51.128.705	1.377.698.096	2.045.148	
c	4% kinh phí chuyển vào tài khoản của Phòng Tài nguyên và Môi trường mở tại Kho bạc Nhà nước tỉnh để chi cho công tác xác định giá đất cụ thể.	Đồng		56.435.236	1.128.705		2.045.148	
d	2% kinh phí chuyển tài khoản của Phòng Tài chính Kế hoạch mở tại Kho bạc Nhà nước để thực hiện thẩm định dự toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư;	Đồng					1.022.574	
6	Chi in ấn, phô tô tài liệu, văn phòng phẩm và xăng xe						7.342.400	
a	- Chi văn phòng phẩm giấy, bút, CCDC, thiết bị văn phòng						1.420.000	
	Chi tiết						1.420.000	
1	Giấy A4	Gam			3	80.000	240.000	
2	Giấy A3	Gam			1	150.000	150.000	
3	Bút ký	Hộp				480.000	-	
4	Bút cello	Hộp			1	120.000	120.000	
5	Bút bi 023	Hộp			1	60.000	60.000	
6	Giấy nhó nhiều màu	Tập			2	15.000	30.000	
7	Gim kẹp 51	Hộp			1	30.000	30.000	
8	Gim kẹp 41	Hộp			1	18.000	18.000	
9	Gim kẹp 32	Hộp			1	15.000	15.000	
10	Gim kẹp 25	Hộp			1	10.000	10.000	
11	Gim kẹp 19	Hộp			1	8.000	8.000	
12	Gim kẹp 15	Hộp			1	6.000	6.000	
13	Túi cút to	Cái			10	5.000	50.000	
14	Nước rửa chén	Chai			1	30.000	30.000	
15	Nước lau sàn	Chai			1	33.000	33.000	
16	Nước rửa tay	Chai			1	70.000	70.000	
17	Gim cài	Hộp			2	35.000	70.000	
18	Túi bóng	Cái			2	50.000	100.000	
19	Cặp trình ký da	Cái				80.000	-	
20	Cặp 3 dây	cái			5	15.000	75.000	
21	Giấy vệ sinh	dây			1	80.000	80.000	
22	Bìa A4	gam			1	35.000	35.000	
23	Băng dính xanh	cây			1	80.000	80.000	
24	Khăn lau	cái			5	18.000	90.000	
25	Chậu nhựa	Cái			1	20.000	20.000	

TT	Hạng mục chi phí	Đơn vị	Giá trị dự toán					Ghi chú
			Số người	Số ngày	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tổng dự toán (đồng)	
b	- Chi mục máy phôtô, máy in, bảo hành, bảo trì máy tính, máy in						1.900.000	
	<i>Mực máy photo</i>	<i>hộp</i>			<i>1</i>	<i>1.150.000</i>	<i>1.150.000</i>	
	<i>Mực in</i>	<i>hộp</i>			<i>1</i>	<i>250.000</i>	<i>250.000</i>	
	<i>Sửa chữa bảo hành, bảo trì máy móc thiết bị....</i>						<i>500.000</i>	
c	- Chi xăng xe cho công chức, viên chức (500.000 đồng/tháng) năm 2021	Người	4	10	3	33.520	4.022.400	
7	Chi thuê nhân công thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư							
	- Chi tiền công, các khoản đóng góp cho lao động thường xuyên theo hợp đồng (03 hợp đồng):							
	+ Tiền công trả cho người lao động theo Luật Lao động số 45/2019/QH14, tiền công theo thỏa thuận tương đương 4.231.600 đồng/tháng)							
	+ Các khoản Đóng góp: BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN (Tổng 23,5%)							
8	Các khoản chi khác liên quan trực tiếp tới công tác bồi thường GPMB (theo Quyết định giao dự toán số 235/QĐ-UBND ngày 18/3/2021 và Quyết định 1260/QĐ-UBND ngày 05/8/2021 của UBND thành phố Lai Châu						1.500.000	
	- Tiền chè nước						150.000	01 kg chè khô/tháng x 01 tháng x 150.000 đồng/kg
	- Quần áo bảo hộ lao động cho CCVC-NLĐ						500.000	3 người x 500.000 đồng/bộ
	- Chi thanh toán cước phí điện thoại, internet (240.000 đ/ tháng * 12 tháng)						600.000	Cước phí điện thoại 03 máy x 200.000 đồng/tháng x 01 tháng
	- Chi thanh toán cước bưu chính, tem thư, sách báo tạp chí, chuyển phát nhanh (250.000 đồng/ tháng * 12 tháng)						250.000	250.000 đồng/ tháng x 01 tháng

